

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4387 /UBND-KT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 5 năm 2016

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Thông tư của Bộ Tài chính quy
định về quản lý tài chính đối với
các chương trình, dự án sử dụng
nguồn ODA và vốn vay ưu đãi của
các nhà tài trợ

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 6952/BTC-QLN ngày 23/5/2016 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (bản sao đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các đơn vị liên quan nghiên cứu, dự thảo văn bản của UBND tỉnh để kịp thời tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ tại Công văn nêu trên của Bộ Tài chính trước ngày 15/6/2016 (gửi kèm file văn bản dự thảo về địa chỉ mail: hoangdiep.ilk@gmail.com).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

@ĐiệpKT

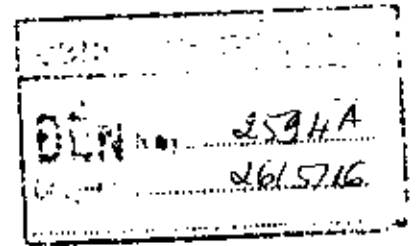
**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Luus
Lê Sĩ Lâm

Số: 6952/BTC-QLN
V/v góp ý kiến cho dự thảo
Thông tư quy định về quản lý
tài chính đối với các chương
trình, dự án sử dụng nguồn
ODA và vốn vay ưu đãi của
các nhà tài trợ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2016



Kính gửi:

- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty 91;
- Các ngân hàng thương mại phục vụ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Bộ Tài chính gửi tới Quý cơ quan dự thảo Thông tư quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ nước ngoài và đề nghị Quý cơ quan đóng góp ý kiến (*dự thảo gửi kèm theo*).

Ý kiến đóng góp bằng văn bản đề nghị gửi về Bộ Tài chính trước ngày 15/06/2016. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến góp ý của Quý cơ quan, Bộ Tài chính xin được hiểu Quý cơ quan nhất trí với dự thảo Thông tư.

Bộ Tài chính cảm ơn sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, QLN.





DỰ THẢO

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 10/7/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

DỰ THẢO

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP).

2. Đối với các chương trình, dự án có đặc thù riêng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ (vốn ODA, vốn vay ưu đãi), tùy theo yêu cầu quản lý, Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý tài chính cho chương trình, dự án cụ thể.

3. Các khoản ODA viện trợ không hoàn lại được giải ngân riêng cho dự án/dự án thành phần độc lập thuộc một chương trình, dự án sử dụng vốn ODA vay, vốn vay ưu đãi, được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư trên, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

4. Trong trường hợp các quy định về quản lý tài chính tại Thông tư này có sự khác biệt với các Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi thì áp dụng theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

5. Các từ ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu thống nhất với Điều 3 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và Nghị định số 78/2010/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và được quản lý theo các quy định hiện hành áp dụng đối với vốn ngân sách Nhà nước và vốn đầu tư công.

2. Cơ quan chủ quản, chủ dự án thực hiện đăng ký các khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi và kế hoạch giải ngân hàng năm vào danh mục nợ công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo các chỉ tiêu giới hạn nợ công, nợ Chính phủ và nợ nước ngoài của quốc gia do Quốc hội phê chuẩn.

3. Quy trình lập, chấp hành, hạch toán ngân sách Nhà nước, kiểm toán, quyết toán, kiểm tra đối với nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo các quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, đầu tư công và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

4. Quy trình quản lý và thu hồi vốn cho vay lại từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo các quy định của Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

Điều 4. Xác định cơ chế tài chính trong nước

Việc xác định cơ chế tài chính trong nước theo quy định tại điểm b) khoản 7 Điều 59 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Nội dung đề xuất cơ chế tài chính trong nước

Để có cơ sở xác định cơ chế tài chính trong nước, khi xây dựng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, cơ quan chủ quản đề xuất các nội dung sau:

a) Phương thức cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại Điều 4 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

b) Phân loại vốn ODA, vốn vay ưu đãi cấp phát theo tính chất sử dụng vốn.

c) Đề xuất việc áp dụng cơ chế cấp phát hay cho vay lại, tỷ lệ cho vay lại cụ thể theo quy định.

d) Đề xuất về người vay lại và việc đáp ứng các điều kiện được vay lại theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý nợ công. Đánh giá sơ bộ khả năng trả nợ.

e) Đề xuất phương thức cho vay lại: vay lại trực tiếp từ Bộ Tài chính, vay lại qua Cơ quan cho vay lại theo cơ chế chịu rủi ro tín dụng một phần hoặc toàn bộ.

2. Các dự án thuộc cơ chế cấp phát phân định tính chất sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo chi đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB), nội dung chi có tính chất thường xuyên hoặc hỗn hợp hai tính chất trên.

Đối với dự án hỗn hợp, chủ dự án cần xác định rõ các thành phần hay nội dung chi của dự án có tính chất chi XD CB và chi thường xuyên. Trường hợp đặc biệt, nếu nội dung chi của dự án có tính hỗn hợp nhưng chủ dự án đề xuất được áp dụng theo cùng một tính chất chi sử dụng vốn là XD CB hoặc chi thường xuyên (tương ứng với nội dung chi có tỷ lệ vượt 50% tổng mức vốn của dự án), chủ dự án phải giải trình rõ đề xuất của mình với cơ quan chủ quản trong quá

trình chuẩn bị và trình duyệt dự án để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Quy trình xác định cơ chế tài chính trong nước

1. Giai đoạn đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

a) Cơ quan chủ quản lập hồ sơ đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, trong đó đề xuất cụ thể cơ chế cấp phát, cho vay lại toàn bộ hoặc một phần; giải trình rõ việc đơn vị vay lại đáp ứng các điều kiện được vay lại theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý nợ công.

b) Bộ Tài chính nghiên cứu, có ý kiến về cơ chế tài chính trong nước để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào nội dung đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án

a) Cơ quan chủ quản lập và gửi Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại các Điều 14, 15, 16 và 17 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, trong đó đề xuất rõ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này. Đồng thời, cơ quan chủ quản đăng ký thông tin về chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về đăng ký danh mục nợ công và gửi bản kết quả đăng ký kèm Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan xác định cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại (nếu có) đối với chương trình, dự án.

3. Giai đoạn lập, thẩm định và quyết định đầu tư chương trình, dự án

a) Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ dự án lập văn kiện chương trình, dự án theo quy định và hướng dẫn tại Thông tư này, gửi Bộ Tài chính có ý kiến.

b) Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính, trong đó có nội dung cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án, chủ dự án hoàn thiện văn kiện chương trình, dự án trình Cơ quan chủ quản.

c) Cơ quan chủ quản phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, ra quyết định đầu tư và gửi bộ hồ sơ cho Bộ Tài chính, kèm xác nhận đăng ký chương trình, dự án vào danh mục nợ công theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Trường hợp điều chỉnh nội dung chương trình, dự án và đề xuất sử dụng vốn dự trong quá trình thực hiện chương trình, dự án, Cơ quan chủ quản thực hiện các thủ tục theo quy định tại Nghị định số 16/2016/NĐ-CP và gửi bộ hồ sơ dự án điều chỉnh cho Bộ Tài chính, kèm xác nhận đăng ký đối với chương trình, dự án điều chỉnh vào danh mục nợ công theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương II **KẾ HOẠCH VỐN HÀNG NĂM**

Điều 6. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch vốn cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện lập kế hoạch vốn theo quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Kế hoạch vốn hàng năm của các chương trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được lập theo từng nhà tài trợ, theo cơ chế tài chính được duyệt (cấp phát vốn xây dựng cơ bản, chi thường xuyên; cho vay lại, hỗ trợ ngân sách), chi tiết theo nguồn vốn ngoài nước (viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi), vốn đối ứng (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn chủ dự án, đóng góp của người hưởng lợi và nguồn vốn khác).

3. Các cơ quan chủ quản phải ưu tiên bố trí vốn ODA, vay ưu đãi và vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm phù hợp với các thỏa thuận về ODA và vay ưu đãi, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

4. Đối với các dự án cấp phát thuộc nội dung chi XD CB, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập và tổng hợp kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi, kế hoạch vốn đối ứng hàng năm gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Đối với các dự án thuộc nội dung chi thường xuyên, Bộ Tài chính lập và tổng hợp kế hoạch vốn ODA và vốn vay ưu đãi, kế hoạch vốn đối ứng hàng năm vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 7. Quy trình lập kế hoạch vốn hàng năm

1. Đối với các dự án thuộc diện ngân sách cấp phát

a) Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, trên cơ sở điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết, chủ dự án căn cứ tiến độ thực hiện dự án lập kế hoạch vốn đầu tư hoặc dự toán chi thường xuyên của dự án gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trên cơ sở kế hoạch do cấp có thẩm quyền giao, cơ quan chủ quản thực hiện phân bổ kế hoạch chi vốn XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất chi thường xuyên cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng đồng thời với nguồn vốn trong nước theo quy định về lập và chấp hành ngân sách nhà nước tại Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

Quyết định phân bổ vốn hàng năm của cơ quan chủ quản cho các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được gửi đến cơ quan tài chính đồng cấp và cơ quan kiểm soát chi, đồng thời cập nhật thông tin đăng ký danh mục nợ công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Trường hợp điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết nhưng chưa có hiệu lực, hoặc đã có hiệu lực nhưng dự án chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư trong nước, trong thời hạn lập dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan chủ quản có trách nhiệm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về nhu cầu vốn đối ứng, vốn ứng trước của dự án để kịp thời bố trí hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định (trong trường hợp ngân sách trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng); hoặc chủ dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan chủ quản dự án ở địa phương về nhu cầu vốn đối ứng, vốn ứng trước của dự án trình cấp có thẩm quyền để kịp thời bố trí hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định (trong trường hợp ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng).

d) Đối với các dự án phát sinh sau thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm, cơ quan chủ quản dự án lập kế hoạch tài chính bổ sung hoặc ứng trước dự toán ngân sách năm sau gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư để giải quyết theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Đối với các dự án cho vay lại

a) Hàng năm, đối với các dự án vay lại toàn bộ vốn ODA, vốn vay ưu đãi, cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, chủ dự án lập kế hoạch vốn của dự án, trong đó nêu rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi

và vốn đối ứng, gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Chủ dự án tự phê duyệt kế hoạch vốn hàng năm gửi cơ quan kiểm soát chi, đồng thời cập nhật thông tin đăng ký danh mục nợ công theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với các dự án hỗn hợp vừa cấp phát, vừa cho vay lại

Tuỳ theo cơ chế tài chính áp dụng đối với từng hợp phần dự án là cấp phát hay cho vay lại, chủ dự án áp dụng quy trình lập và trình duyệt kế hoạch phân bổ vốn của dự án tương ứng với từng hợp phần, theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp dự án áp dụng cấp phát một phần, vay lại một phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo tỷ lệ, phần vốn vay lại được lập kế hoạch theo đúng cơ chế tài chính được duyệt và trình bày cùng với phần vốn cấp phát. Khi ban hành Quyết định phân bổ vốn hàng năm cho chương trình, dự án, Cơ quan chủ quản đồng thời phê duyệt kế hoạch đối với phần vốn vay lại theo tỷ lệ quy định. Việc cập nhật kế hoạch phân bổ vốn cấp phát và kế hoạch vốn vay lại của các khoản vay thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương III

YÊU CẦU KIỂM SOÁT CHI, THỦ TỤC RÚT VỐN VÀ QUẢN LÝ RÚT VỐN

Điều 8. Yêu cầu kiểm soát chi đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

1. Mục đích kiểm soát chi

Việc rút vốn, chi tiêu và thanh toán của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi được kiểm soát và thanh toán (sau đây gọi tắt là kiểm soát chi) theo các quy định hiện hành áp dụng đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Kiểm soát chi nhằm đảm bảo chi tiêu của dự án phù hợp với điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết và tuân thủ các quy định về quản lý tài chính trong nước hiện hành.

2. Nguyên tắc kiểm soát chi

a) Kiểm soát chi áp dụng đối với mọi hoạt động chi tiêu của dự án, kể cả các khoản chi theo phương thức thư tín dụng hoặc ủy quyền cho bên nước ngoài chi trực tiếp.

b) Kiểm soát chi các hồ sơ đề nghị thanh toán để rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng phải căn cứ vào kế hoạch vốn nước ngoài hàng năm được duyệt và kế hoạch vốn nước ngoài bổ sung trong năm (nếu có).

c) Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ dự án, Cơ quan kiểm soát chi căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng phù hợp với hồ sơ mời thầu (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và

các điều kiện thanh toán), hoặc dự toán vốn đối với trường hợp thanh toán không theo hợp đồng và giá trị từng lần thanh toán, để thực hiện kiểm soát chi và thanh toán cho chủ dự án. Chủ dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình. Cơ quan kiểm soát chi không chịu trách nhiệm về các vấn đề này.

d) Cơ quan kiểm soát chi có trách nhiệm kiểm soát chi hoặc từ chối xác nhận kiểm soát chi trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định.

e) Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ có quy định riêng thì thực hiện theo quy định đó.

3. Cơ quan kiểm soát chi

a) Kho bạc nhà nước các cấp thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án/hợp phần dự án thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát; các dự án áp dụng cơ chế cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ.

b) Cơ quan cho vay lại được Bộ Tài chính uỷ quyền cho vay lại thực hiện việc kiểm soát hồ sơ thanh toán của dự án/hợp phần dự án áp dụng cơ chế vay lại toàn bộ.

c) Hạn mức tín dụng/hợp phần tín dụng

Tổ chức tài chính, tín dụng vay lại theo các chương trình, hạn mức tín dụng và chịu rủi ro tín dụng có trách nhiệm kiểm soát chi khi cho vay lại đối với người vay vốn cuối cùng.

d) Đối với các chương trình, dự án khác chưa được xác định theo các điểm a), b) và c) nêu trên, Bộ Tài chính xác định cơ quan kiểm soát chi phù hợp, đảm bảo nguyên tắc không có hai cơ quan kiểm soát chi cùng kiểm soát một hoạt động chi tiêu của dự án.

4. Hình thức kiểm soát chi

a) “Kiểm soát chi trước” là việc Cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của khoản chi trước khi Chủ dự án rút vốn thanh toán cho nhà thầu/người thụ hưởng. Các khoản chi phải kiểm soát chi trước bao gồm:

- Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/nhà cung cấp đối với các dự án hoặc dự án thành phần thuộc diện được cấp phát.

DỰ THẢO

- Thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/nhà cung cấp đối với các hợp đồng thanh toán một lần hoặc đợt thanh toán lần cuối của hợp đồng đối với hợp đồng thanh toán nhiều lần của các dự án vay lại.

- Chuyển tiền từ TKTU sang tài khoản tạm giữ để thanh toán chi phí kiểm toán độc lập sau khi đóng TKTU.

- Chi từ tài khoản cấp hai đối với dự án có hai cấp TKTU, *trừ khi chi các khoản thuộc dự toán chi tiêu đã được Cơ quan kiểm soát chi phê duyệt.*

- Khoản thanh toán một lần duy nhất cho Thư tín dụng hoặc hình thức ủy quyền cho nước ngoài chi trực tiếp.

b) “Kiểm soát chi sau” là việc Cơ quan kiểm soát chi kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của khoản chi sau khi Chủ dự án đã rút vốn thanh toán cho nhà thầu/người thụ hưởng. Kiểm soát chi sau áp dụng với các trường hợp sau:

- Tất cả các khoản thanh toán nguồn vốn JICA.

- Các khoản thanh toán nhiều lần theo phương thức thư tín dụng hoặc ủy quyền cho bên nước ngoài chi trực tiếp.

- Các khoản chi không quy định tại điểm a) trên.

5. Thủ tục kiểm soát chi

a) Đối với dự án/dự án thành phần chi XDCB thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ và dự án vay lại một phần theo tỷ lệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán nguồn vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước (Thông tư số 08/2016/TT-BTC).

b) Đối với dự án hoặc các hoạt động vốn chi thường xuyên thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát toàn bộ hoặc được cấp phát một phần, vay lại một phần theo tỷ lệ thực hiện theo Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 2/10/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước, Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 1/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung và các quy định của Thông tư.

c) Đối với dự án hoặc các hoạt động chi giải phóng mặt bằng (kể cả các dự án vay lại), việc kiểm soát chi thực hiện theo Thông tư số 107/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

d) Thủ tục kiểm soát chi dự án cho vay lại:

- Đối với hạn mức tín dụng: hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi đối với các dự án/hợp phần cho vay lại theo hạn mức tín dụng thực hiện theo quy định của các tổ chức tín dụng sử dụng vốn vay lại, phù hợp với quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết. Tổ chức tín dụng vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn và hợp lệ của các khoản cho vay tín dụng và các khoản chi tiêu phi tín dụng trong sao kê chi tiêu gửi Bộ Tài chính, khi lập và gửi bộ hồ sơ rút vốn ngoài nước.

- Hồ sơ và thủ tục kiểm soát chi dự án/hợp phần cho vay lại khác: thực hiện tương tự như đối với các dự án/dự án thành phần đầu tư xây dựng thuộc diện ngân sách nhà nước cấp phát.

6. Hồ sơ kiểm soát chi

a) Hồ sơ pháp lý gửi một lần

Ngoài bộ hồ sơ Hồ sơ pháp lý gửi một lần theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC, Chủ dự án gửi các tài liệu sau đây cho cơ quan kiểm soát chi để làm căn cứ kiểm soát chi nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho mỗi chương trình, dự án:

(i) Thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký giữa Chính phủ Việt Nam với nhà tài trợ (bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ dự án).

(ii) Đối với hợp đồng chỉ ký bằng tiếng nước ngoài thì gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt phần các quy định về thanh toán của hợp đồng, có chữ ký và đóng dấu của chủ dự án. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt.

(iii) Các thỏa thuận, thư hoặc văn bản "ý kiến không phản đối" (no objection) của nhà tài trợ; thỏa thuận với nhà thầu về thực hiện dự án (danh mục chi phí hợp lệ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng theo quy định cụ thể của hợp đồng).

Chủ dự án chỉ gửi một lần bản sao có đóng dấu của chủ dự án các tài liệu trên. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bản sao cung cấp cho Bộ Tài chính.

b) Nội dung đặc thù đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi

(i) Mức vốn tạm ứng hợp đồng, việc thu hồi tạm ứng, tỷ lệ giữ lại chờ bảo hành thực hiện theo quy định tại hợp đồng phù hợp với quy định về hợp đồng xây dựng và hồ sơ mời thầu. Trường hợp hợp đồng không quy định bảo lãnh tạm ứng (đối với hợp đồng trị giá dưới 01 tỷ đồng) có phát sinh vi phạm phải thu hồi vốn đã tạm ứng cho nhà thầu, chủ dự án tự bố trí nguồn hoàn trả nhà tài trợ.

DỰ THẢO

(ii) Cơ quan kiểm soát chi chấp nhận hồ sơ Chứng chỉ thanh toán tạm thời ký giữa Chủ dự án và nhà thầu theo quy định hợp đồng thay thế cho Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(iii) Đối với tiền bảo hành công trình, Cơ quan kiểm soát chi xác nhận tổng số tiền bảo hành theo quy định hợp đồng để chủ dự án chuyển trả nhà thầu.

(iv) Hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: không thanh toán đơn giá điều chỉnh cho phần thanh toán tạm ứng của Hợp đồng.

(v) Hình thức hợp đồng theo thời gian: các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo quy định trong hợp đồng và phù hợp với hồ sơ mời thầu.

(vi) Trường hợp một Ban quản lý dự án được giao quản lý, thực hiện nhiều dự án vốn ODA, vốn vay ưu đãi, việc phân bổ chi phí các hoạt động chung cho các dự án thành phần hoặc tiểu dự án được thực hiện hàng năm theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí liên quan trực tiếp đến dự án thành phần hoặc tiểu dự án nào thì phân bổ cho dự án đó.

- Phần chi phí còn lại được phân bổ tương ứng với tỷ lệ giữa tổng mức đầu tư của dự án thành phần hoặc tiểu dự án và tổng mức đầu tư của dự án.

- Giá trị phân bổ chi phí các hoạt động chung hàng năm của dự án được tổng hợp vào giá trị quyết toán vốn đầu tư của từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án khi quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Điều 9. Các hình thức rút vốn

Các hình thức rút vốn vay ODA, vay ưu đãi được nhà tài trợ quy định cụ thể, bao gồm:

1. Phương thức hỗ trợ ngân sách

Vốn ODA, vốn vay ưu đãi được giải ngân về ngân sách nhà nước đối với các chương trình hỗ trợ ngân sách trực tiếp hoặc phương thức tài trợ dựa trên kết quả đầu ra.

2. Tài trợ theo chương trình, dự án

Phương thức tài trợ theo chương trình, dự án áp dụng một hoặc một số các hình thức rút vốn sau đây:

DỰ THẢO

a) Thanh toán trực tiếp/thanh toán chuyển tiền

- Thanh toán trực tiếp: là hình thức mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ đồng ý chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/nhà cung cấp của dự án.

- Thanh toán chuyển tiền: là hình thức thanh toán trực tiếp và/hoặc thanh toán hoàn vốn nêu ở điểm c) dưới đây bằng Đồng Việt Nam.

b) Thanh toán theo thư cam kết: là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, nhà tài trợ phát hành một thư cam kết sẽ trả lại tiền cho ngân hàng thương mại đối với khoản thanh toán đã thực hiện cho nhà thầu/nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng (L/C) qua hệ thống ngân hàng thương mại (ngân hàng cho vay, ngân hàng phục vụ).

c) Hoàn vốn: là hình thức mà nhà tài trợ thanh toán tiền từ tài khoản vốn vay vào tài khoản do Bên vay chỉ định, để hoàn lại các khoản chi hợp lệ do Bên vay/Chủ dự án đã chi cho dự án. Các khoản chi hợp lệ có thể phát sinh trước hoặc sau khi ký thỏa thuận vay nước ngoài và phải tuân thủ các quy định cụ thể trong thỏa thuận vay nước ngoài.

d) Tài khoản tạm ứng

Tài khoản tạm ứng là hình thức nhà tài trợ tạm ứng trước một khoản tiền theo đề nghị của Bên vay, vào một tài khoản mở riêng cho dự án tại ngân hàng phục vụ để Bên vay chủ động trong việc thanh toán cho các khoản chi tiêu thường xuyên và hợp lệ của dự án, giảm bớt số lần rút vốn vay. Việc chi tiêu và thanh toán từ tài khoản tạm ứng được Bộ Tài chính và nhà tài trợ kiểm soát chặt chẽ.

Điều 10. Trình tự và thủ tục rút vốn theo phương thức hỗ trợ ngân sách

1. Đối với chương trình kèm theo khung chính sách

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Tài chính/Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan để thực hiện các cam kết về phần mình theo thỏa thuận với nhà tài trợ, để thoả mãn điều kiện tiên quyết về rút vốn nêu trong các thỏa thuận vay.

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của nhà tài trợ.

c) Đối với phương thức hỗ trợ ngân sách chung, Bộ Tài chính xử lý các hồ sơ và đơn rút vốn gửi nhà tài trợ; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước (trường hợp Ngân hàng Nhà nước là cơ quan rút vốn) trong việc chuyển các khoản rút vốn về ngân sách nhà nước để sử dụng theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

DỰ THẢO

d) Trường hợp khoản vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo phương thức hỗ trợ ngân sách cho một ngành, lĩnh vực cụ thể:

- Cơ quan chủ quản chương trình, dự án có trách nhiệm thống nhất với Bộ Tài chính về thời điểm rút vốn, số tiền rút vốn ODA và vốn vay ưu đãi, đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc lập kế hoạch phân bổ cho các dự án thành phần.

- Vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân về ngân sách được phân bổ cho các dự án thành phần để sử dụng theo đúng quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đối với các chương trình/dự án tài trợ dựa trên kết quả đầu ra

a) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các chỉ số giải ngân liên quan theo thỏa thuận với nhà tài trợ để làm cơ sở rút vốn. Chủ dự án được tiếp nhận vốn tạm ứng theo quy định của nhà tài trợ để thực hiện các công việc đã thỏa thuận nhằm đạt được cam kết gắn với chỉ số giải ngân.

b) Chủ dự án, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan lập báo cáo, tài liệu hoặc cung cấp tài liệu chứng minh việc hoàn thành các tiêu chí giải ngân quy định tại thỏa thuận tài trợ để gửi nhà tài trợ; lập hồ sơ và đơn rút vốn gửi Bộ Tài chính theo quy định của nhà tài trợ.

c) Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi giải ngân được chuyển về tài khoản của đơn vị thực hiện chương trình, dự án mở tại Kho bạc Nhà nước theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Việc chi tiêu tuân thủ quy trình quản lý vốn ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 11. Trình tự và thủ tục rút vốn đối với các khoản ODA, vay ưu đãi theo phương thức tài trợ dự án

1. Sau khi nhà tài trợ thông báo các điều kiện tiên quyết để rút vốn theo quy định tại các hiệp định vay/ thỏa thuận tài trợ đã hoàn thành, chủ dự án hoặc ban quản lý dự án lập bộ hồ sơ đề nghị rút vốn gửi Bộ Tài chính.

2. Bộ hồ sơ đề nghị rút vốn được lập theo mẫu của nhà tài trợ và theo từng phương thức rút vốn nêu tại Điều 14 Thông tư này, bao gồm các loại sau đây:

a) Hồ sơ pháp lý gửi một lần.

b) Hồ sơ gửi từng lần rút vốn.

DỰ THẢO

3. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ bộ hồ sơ rút vốn hợp lệ, Bộ Tài chính ký đơn rút vốn gửi nhà tài trợ.

4. Trong trường hợp nhà tài trợ yêu cầu các tài liệu bổ sung, hoặc chi chấp thuận một phần đơn rút vốn, Bộ Tài chính hoặc nhà tài trợ thông báo cho chủ dự án để phối hợp xử lý kịp thời các yêu cầu hợp lý của nhà tài trợ.

Điều 12. Hồ sơ rút vốn gửi Bộ Tài chính

Chủ dự án gửi bộ Hồ sơ pháp lý gửi một lần nêu tại mục (i) đến (iii) điểm a) khoản 6 Điều 8 Thông tư này. Đối với mỗi đợt rút vốn, Chủ dự án lập và gửi cho Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn, được quy định cụ thể phù hợp với từng hình thức rút vốn như sau:

1. Thanh toán trực tiếp (thanh toán chuyển tiền - JICA)

a) Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn, các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của nhà tài trợ;

b) Hoá đơn/Đề nghị thanh toán của Nhà thầu/Nhà cung cấp;

c) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi;

d) Ngoài các tài liệu nêu trên, đối với thanh toán tạm ứng, chủ dự án cần cung cấp bảo lãnh ngân hàng đối với khoản thanh toán tạm ứng với trị giá bảo lãnh tương đương trị giá khoản tạm ứng và thời hạn đủ để chủ dự án thu hồi được số vốn đã ứng mà không sử dụng.

e) Báo cáo hạch toán NSNN do Kho bạc Nhà nước xác nhận đối với khoản chi lần trước. Trường hợp chưa có Báo cáo này vì lý do chủ dự án chưa nhận được thông báo giải ngân, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại) kiểm tra thông tin với bên cho vay để xử lý khoản rút vốn.

g) Trường hợp thực hiện kiểm soát chi sau, Chủ dự án cần lưu ý xử lý việc rút vốn theo từng giai đoạn thanh toán như sau:

- Trong giai đoạn thanh toán giữa kỳ, nếu trị giá Giấy xác nhận thanh toán của Cơ quan kiểm soát chi có chênh lệch với số chi thực tế đã thanh toán ở kỳ trước, Chủ dự án chịu trách nhiệm điều chỉnh số chênh lệch này vào trị giá thanh toán của kỳ kế tiếp.

- Thanh toán kỳ cuối: Chủ dự án gửi Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của Cơ quan kiểm soát chi đối với kỳ thanh toán trước đó và của kỳ thanh toán cuối cùng để đảm bảo toàn bộ khối lượng thanh toán của Hợp đồng dự án đã được kiểm soát chi.

DỰ THẢO

2. Thủ tục Thư cam kết/Cam kết đặc biệt

a) Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị nhà tài trợ phát hành thư cam kết;
- Bản sao hợp đồng ký kết phù hợp với quy định; hợp đồng cần có điều khoản quy định một trong các điều kiện/chứng từ thanh toán từng lần theo L/C là phải có xác nhận của Cơ quan kiểm soát chi về tính hợp lệ của khoản thanh toán.
- Bộ hồ sơ phát hành thư cam kết theo mẫu của nhà tài trợ và bản sao L/C đã mở.

b) Thủ tục thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết: Nếu hợp đồng thương mại có điều khoản thanh toán bằng L/C không cần thư cam kết, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính hồ sơ nêu tại điểm a) trên để xem xét có ý kiến về việc mở L/C gửi Ban quản lý dự án và ngân hàng phục vụ, đồng thời gửi Thư thông báo uỷ quyền thanh toán không huỷ ngang cho ngân hàng được uỷ quyền của nhà tài trợ để thanh toán theo L/C.

Việc thanh toán cho thư tín dụng có hoặc không có thư cam kết áp dụng chế độ kiểm soát chi sau. Ngoài các hóa đơn, chứng từ theo quy định về thanh toán L/C theo thông lệ quốc tế, bộ hồ sơ thanh toán gửi ngân hàng thanh toán L/C bao gồm cả Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (trường hợp ngân hàng thanh toán L/C là ngân hàng nước ngoài, chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bản dịch có xác nhận của chủ dự án đối với Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi). Mỗi lần thanh toán, Chủ dự án cung cấp Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi của lần thanh toán trước đó.

3. Thủ tục Hoàn vốn/Hồi tố

a) Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị rút vốn, Đơn rút vốn và sao kê theo mẫu;

Đơn rút vốn phải ghi rõ tên và số tài khoản của từng đơn vị đã ứng vốn. Đối với các khoản do Ngân sách nhà nước ứng trước (vốn chuẩn bị dự án, vốn ứng trước để thực hiện dự án), phải nêu rõ tên và số tài khoản của cấp ngân sách nơi ứng vốn.

- Chứng từ chuyển tiền chứng minh khoản thanh toán đã được thực hiện cho nhà thầu/người hưởng lợi và/hoặc Bảng kê xác nhận đã nhận được vốn thanh toán của Nhà thầu/Người hưởng lợi;

DỰ THẢO

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi.

Trong trường hợp đặc biệt theo yêu cầu của nhà tài trợ, Bộ Tài chính có thể yêu cầu các tài liệu bổ sung.

4. Tài khoản tạm ứng

a) Nguyên tắc chi tiêu Tài khoản tạm ứng (TKTU)

Đồng tiền của TKTU và tài khoản cấp 2 (nếu có tài khoản cấp 2) là ngoại tệ vay nước ngoài. Việc tạm ứng về tài khoản cấp 2 bằng VNĐ phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Việc chi tiêu từ các TKTU thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này và các quy định của nhà tài trợ.

b) Rút vốn lần đầu về Tài khoản tạm ứng

Việc rút vốn lần đầu về TKTU được thực hiện căn cứ trên hạn mức (hoặc mức trần) của TKTU quy định trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Hạn mức TKTU có thể được quy định cho 2 cấp (đối với dự án có cấp Trung ương và cấp địa phương cùng tham gia thực hiện), nhưng số vốn rút phải chuyển qua TKTU cấp 1.

Để thực hiện rút vốn lần đầu, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau: (i) Công văn đề nghị rút vốn, (ii) Đơn rút vốn và các sao kê đi kèm theo mẫu của Nhà tài trợ và (iii) Kế hoạch chi tiêu chi tiết cho giai đoạn 3 tháng tới, để xem xét và ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ.

c) Chi từ TKTU nguồn JICA

Đối với nguồn vốn vay JICA, chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị thanh toán vốn của chủ chương trình, dự án;
- Đề nghị thanh toán của nhà thầu/nhà cung cấp/người thụ hưởng;

- Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi đối với mỗi đợt thanh toán (hình thức kiểm soát chi trước). Trường hợp thanh toán tạm ứng cần cung cấp các chứng từ bảo lãnh ngân hàng đối với khoản tạm ứng theo quy định.

d) Bổ sung TKTU:

Để rút vốn bổ sung TKTU (TKTU cấp 1), Chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:

DỰ THẢO

- Công văn đề nghị rút vốn bổ sung TKTU;
- Kế hoạch chi tiêu từ TKTU chi tiết cho giai đoạn 3 tháng tới;
- Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu của nhà tài trợ;
- Báo cáo do Chủ dự án lập, thể hiện rõ từng khoản chi từ TKTU, chi tiết theo: ngày thanh toán, số tiền nguyên tệ, số tiền quy đổi ra VND, tỷ giá áp dụng, nội dung thanh toán, đối tượng thụ hưởng, trong đó tách rõ số vốn chi từ TKTU và tài khoản cấp hai (nếu có).
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi hoặc bảng kê tổng hợp các khoản thanh toán hợp lệ có xác nhận (bản gốc) của Cơ quan kiểm soát chi;
- Sao kê TKTU của ngân hàng phục vụ (nếu có TKTU cấp hai thì gửi kèm sao kê) (có thể hiện tỷ giá và tiền VND tương đương). Đối với vốn vay JICA cần cung cấp chứng từ chứng minh việc ngân hàng phục vụ đã chuyển tiền thanh toán cho người thụ hưởng.

Bộ Tài chính xem xét ký/đồng ký Đơn rút vốn gửi Nhà tài trợ để chuyển tiền bổ sung vào TKTU.

5. Khi gửi hồ sơ cho Bộ Tài chính theo từng hình thức rút vốn quy định tại khoản 1 đến 4 Điều này, Chủ dự án gửi kèm báo cáo hạch toán ngân sách Nhà nước có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (theo mẫu tại Phụ lục số 01) đối với các khoản chi đã được nhà tài trợ phê duyệt giải ngân tối đa 60 ngày trước thời điểm gửi Bộ Tài chính hồ sơ rút vốn. Trường hợp dự án có nhiều tiểu dự án, đơn vị thực hiện rút vốn lập bảng kê tổng hợp theo mẫu tại Phụ lục số 01-A gửi kèm theo, chi tiết theo tiểu dự án, cơ quan kiểm soát chi và các khoản chi cụ thể. Báo cáo hạch toán ngân sách Nhà nước có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch là cơ sở để Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt đơn rút vốn.

Đối với các dự án kiểm soát chi tại Cơ quan cho vay lại do Bộ Tài chính ủy quyền, khi gửi hồ sơ cho Bộ Tài chính theo từng hình thức rút vốn quy định tại khoản 1 đến 4 Điều này, Chủ dự án gửi kèm sao kê rút vốn theo mẫu tại Phụ lục số 02 để Bộ Tài chính tiến hành thủ tục hạch toán ngân sách Nhà nước.

Đối với các khoản chi đến ngày 31/12 năm trước phải lập báo cáo hạch toán NSNN và gửi Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 31/01 năm sau.

Chương IV **HẠCH TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 13. Nguyên tắc hạch toán ngân sách nhà nước

DỰ THẢO

1. Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi định kỳ phải được hạch toán đầy đủ, chính xác vào ngân sách nhà nước. Đối với các chương trình, dự án áp dụng cơ chế cấp phát toàn bộ hoặc một phần được kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước, việc hạch toán ngân sách nhà nước do Kho bạc Nhà nước Trung ương và Kho bạc Nhà nước tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện; đối với các dự án vay lại toàn bộ do Bộ Tài chính thực hiện.

2. Hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước được thực hiện trên cơ sở chứng từ giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng được nhà tài trợ phê duyệt. Báo cáo hạch toán ngân sách Nhà nước có xác nhận của Kho bạc Nhà nước quy định tại điểm a) khoản 2 Điều 16 Thông tư này là một trong các cơ sở để Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt đơn rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá quy đổi

a) Các khoản tiền nhà tài trợ trực tiếp giải ngân bằng ngoại tệ cho nhà thầu, nhà cung cấp khi hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ) áp dụng tỷ giá hạch toán NSNN tại thời điểm thanh toán. Đối với các khoản thanh toán trực tiếp bằng VNĐ, áp dụng tỷ giá thanh toán thực tế giữa đồng tiền nhận nợ và đồng tiền thanh toán.

b) Trường hợp dự án tiếp nhận vốn bằng ngoại tệ về TKTU:

- Kho bạc Nhà nước hạch toán ghi tăng tài khoản nhận nợ vay nước ngoài áp dụng tỷ giá hạch toán NSNN do Bộ Tài chính công bố;

- Các khoản chi từ TKTU áp dụng tỷ giá mua chuyển khoản đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ tại thời điểm thanh toán.

- Đối với các khoản tạm ứng bằng VNĐ cho tài khoản cấp hai đã thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực, chủ tài khoản cấp hai hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng phục vụ vào thời điểm cấp tạm ứng và thực hiện chi tiêu, hạch toán vốn các lần tạm ứng theo nguyên tắc nhập trước - xuất trước.

4. Số liệu ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước là một trong các căn cứ để các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phép sử dụng hoặc vay lại vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện hạch toán và quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không phải là cơ sở để nhận nợ vay lại.

Điều 14. Quy trình hạch toán ngân sách nhà nước

1. Đối với các khoản vay bằng tiền theo hình thức hỗ trợ ngân sách: căn cứ vào chứng từ nhận tiền/báo có của ngân hàng phục vụ, Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định (trường

DỰ THẢO

hợp chuyên ngoại tệ vào Quỹ ngoại tệ tập trung được hạch toán theo quy định đối với các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ).

2. Quy trình hạch toán ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước

a) Trong vòng 5 ngày kể từ khi được nhà tài trợ (hoặc Bộ Tài chính) thông báo phê duyệt giải ngân, chủ dự án lập báo cáo hạch toán ngân sách Nhà nước theo mẫu tại Phụ lục ... kèm chứng từ giải ngân gửi Kho bạc Nhà nước Trung ương hoặc Kho bạc Nhà nước tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tùy vào nơi giao dịch) để được xác nhận hạch toán.

b) Trong vòng 3 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước kiểm tra các thông tin trên báo cáo của đơn vị và xác nhận, gửi lại đơn vị hai bản gốc để lưu và gửi Bộ Tài chính phục vụ rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Đối với phần vốn thuộc cơ chế cấp phát, Kho bạc Nhà nước ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cấp phát vốn đầu tư xây dựng, vốn chi thường xuyên cho các Bộ, cơ quan Trung ương; ghi chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thông qua Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đồng thời ghi thu ngân sách địa phương, ghi chi cho dự án theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Đối với phần vốn thuộc cơ chế cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho vay lại đối với UBND cấp tỉnh, đồng thời ghi chi cho dự án theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Sau khi nhận được thông báo của Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính làm thủ tục hạch toán, ghi thu vay ngân sách trung ương và chi trả nợ ngân sách trung ương khi tiến hành trả nợ ngân sách trung ương.

c) Định kỳ hàng quý, Kho bạc Nhà nước tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số liệu vốn ODA, vay ưu đãi giải ngân đã xác nhận hạch toán ngân sách Nhà nước trên địa bàn báo cáo Kho bạc Nhà nước Trung ương, đồng gửi Sở Tài chính để theo dõi, quản lý đối với phần vốn cấp phát và vốn vay lại.

Kho bạc Nhà nước Trung ương tổng hợp số liệu vốn ODA, vay ưu đãi đã xác nhận hạch toán ngân sách Nhà nước gửi Bộ Tài chính.

d) Kết thúc niên độ NSNN, Kho bạc Nhà nước tổng hợp số liệu vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã xác nhận hạch toán NSNN gửi Bộ Tài chính để phục vụ công tác quyết toán niên độ NSNN hàng năm.

Các thủ tục cụ thể hạch toán ngân sách Nhà nước trong hệ thống Kho bạc Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước.

3. Quy trình hạch toán ngân sách nhà nước tại Bộ Tài chính

DỰ THẢO

Đối với các khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi được Bộ Tài chính ủy quyền cho tổ chức tài chính, tín dụng là Cơ quan cho vay lại để cho vay lại các chương trình, dự án đầu tư: Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho vay lại đối với Cơ quan cho vay lại căn cứ thông báo giải ngân của nhà tài trợ, báo cáo sao kê giải ngân của chủ dự án.

Đối với các khoản vay ODA, vốn vay ưu đãi Bộ Tài chính cho vay lại trực tiếp (trừ đối tượng vay lại là UBND cấp tỉnh), Bộ Tài chính thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi, ghi chi cho vay lại đối với người vay lại.

4. Định kỳ hàng quý, cả năm, chủ dự án đối chiếu số liệu giải ngân và hạch toán ngân sách Nhà nước với Kho bạc Nhà nước, cơ quan kiểm soát chi và Bộ Tài chính. Khi kết thúc giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án gửi báo cáo tổng hợp số liệu giải ngân toàn dự án và hạch toán ngân sách Nhà nước với Kho bạc Nhà nước, Cơ quan kiểm soát chi và Bộ Tài chính để phục vụ quyết toán dự án.

Điều 15. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhà nước

1. Điều chỉnh số liệu hạch toán ngân sách nhằm xử lý chênh lệch giữa số liệu ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước với thực tế số liệu rút vốn và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi, có thể phát sinh trong những trường hợp sau:

a) Vốn đã rút nhưng không sử dụng hết hoặc chi sai mục đích phải trả lại nhà tài trợ theo quy định tại hiệp định, thỏa thuận tài trợ;

b) Chuyển đổi chủ dự án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Thay đổi về cơ chế tài chính trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền (ví dụ chuyển từ cơ chế cho vay lại sang cấp phát từ ngân sách nhà nước đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi của dự án);

d) Điều chỉnh các sai sót hoặc nhầm lẫn khác trong quá trình hạch toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào đối chiếu số liệu giữa Kho bạc Nhà nước các cấp với chủ dự án, giữa Bộ Tài chính với các Cơ quan cho vay lại.

2. Quy trình và thủ tục điều chỉnh:

a) Việc điều chỉnh hạch toán ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước.

b) Đối với các dự án do Bộ Tài chính thực hiện hạch toán ngân sách Nhà nước, căn cứ văn bản đề nghị của đơn vị, Bộ Tài chính lập Phiếu điều chỉnh và thông báo cho Kho bạc Nhà nước. Căn cứ vào Phiếu điều chỉnh số liệu ngân sách, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán điều chỉnh số liệu hạch toán ngân

DỰ THẢO

sách và gửi các liên Phiếu điều chỉnh số liệu cho Cơ quan cho vay lại và chủ dự án để điều chỉnh các số liệu hạch toán tương ứng trên các báo cáo kế toán và quyết toán vốn nước ngoài.

Chương V **CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN, BÁO CÁO,** **KIỂM TRA**

Điều 16. Kế toán dự án ODA, vốn vay ưu đãi

1. Nguyên tắc kế toán:

Ban quản lý dự án và các đơn vị sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải đảm bảo:

a) Tuân thủ các quy định của Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

b) Tuân thủ các quy định về kế toán của nhà tài trợ được quy định trong hiệp định vay, thỏa thuận tài trợ hoặc trong văn kiện dự án (nếu có).

2. Tổ chức bộ máy kế toán

Tuỳ thuộc quy mô của dự án, hình thức quản lý dự án để tổ chức bộ máy kế toán phù hợp.

a) Trường hợp dự án không thành lập Ban Quản lý dự án, hoặc có thành lập Ban quản lý dự án nhưng không tổ chức bộ máy kế toán riêng: chủ dự án được sử dụng bộ máy kế toán và hạch toán chung trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị, kế toán đơn vị đồng thời là kế toán dự án để thực hiện các công việc kế toán của dự án, nhưng phải hạch toán tách bạch tài khoản, nguồn vốn và các khoản thu, chi của dự án.

b) Trường hợp dự án có quy mô lớn, có thành lập ban quản lý dự án (có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu riêng): ban quản lý dự án quyết định thành lập Phòng hoặc Bộ phận kế toán riêng và thực hiện bổ nhiệm kế toán trưởng (hoặc thuê kế toán trưởng) hoặc phụ trách kế toán theo quy định hiện hành.

3. Chế độ kế toán áp dụng

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a), khoản 2 Điều này: áp dụng chế độ kế toán mà đơn vị thực hiện dự án đang áp dụng và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

DỰ THẢO

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b), khoản 2 Điều này: căn cứ vào tính chất sử dụng vốn, hình thức quản lý dự án, loại hình đơn vị sử dụng vốn để áp dụng chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

c) Trong quá trình áp dụng chế độ kế toán theo quy định, trường hợp phát sinh chênh lệch giữa số liệu kế toán và số liệu hạch toán ngân sách Nhà nước nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, các đơn vị xử lý chênh lệch theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 17. Kiểm toán báo cáo tài chính

1. Kiểm toán báo cáo tài chính năm của dự án ODA, vốn vay ưu đãi nhằm kiểm tra và xác nhận tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính dự án trong một năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm của chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi phải được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập theo thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã có trong thông báo kế hoạch kiểm toán hàng năm của cơ quan Kiểm toán nhà nước và được nhà tài trợ chấp thuận thì báo cáo tài chính năm đó không bắt buộc phải kiểm toán độc lập.

3. Việc kiểm toán báo cáo tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành trừ trường hợp các thỏa thuận giữa Chính phủ với nhà tài trợ có quy định khác.

4. Các doanh nghiệp kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán dự án là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Trường hợp nhà tài trợ có quy định, có thể yêu cầu thuê kiểm toán báo cáo tài chính đối với từng hạng mục công trình, công trình, công việc đã hoàn thành.

6. Chủ dự án có trách nhiệm gửi Báo cáo kiểm toán do đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện đối với báo cáo tài chính hàng năm của dự án cho Kiểm toán Nhà nước.

Điều 18. Quyết toán

1. Quyết toán năm

a) Các dự án vốn sự nghiệp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 2/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết

DỰ THẢO

toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

b) Các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

2. Quyết toán kết thúc dự án

a) Trong vòng 6 tháng, kể từ ngày kết thúc dự án, các dự án sử dụng vốn sự nghiệp lập báo cáo quyết toán kết thúc dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn ODA (viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi), vốn đối ứng, trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các báo cáo quyết toán hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt gửi cơ quan chủ quản. Cơ quan chủ quản tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

b) Các dự án đầu tư có sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán dự án theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

c) Đối với các dự án chấm dứt hoạt động hoặc có quyết định giải thể, sát nhập trong năm ngân sách, giám đốc dự án và người phụ trách kế toán phải chịu trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành đến thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể, sát nhập, mới được điều chuyển đi công tác khác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những sai phạm (nếu có) trong thời gian thực hiện nhiệm vụ trên.

d) Đối với chương trình/dự án ô gồm nhiều dự án thành phần độc lập, chủ dự án làm thủ tục trình duyệt quyết toán dự án thành phần theo quy định và gửi kết quả cho cơ quan chủ quản chương trình/dự án ô để tổng hợp báo cáo quyết toán của toàn chương trình.

Điều 19. Báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán NSNN

1. Định kỳ hàng quý, Chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi kèm Báo cáo hạch toán NSNN có xác nhận của Kho bạc Nhà nước.

2. Chủ dự án gửi Báo cáo kết thúc giải ngân đối với chương trình/dự án cho Bộ Tài chính trong vòng 30 ngày kể từ khi đóng khoản vay, khoản tài trợ, chi tiết theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 của Thông tư này để làm cơ sở quyết toán dự án.

3. Chủ dự án lập và gửi các báo cáo tài chính cho nhà tài trợ theo quy định tại văn kiện dự án, hiệp định vay/thỏa thuận tài trợ đã ký kết, đồng gửi cho cơ

DỰ THẢO

quan chủ quản và cơ quan Tài chính đồng cấp để theo dõi và chỉ đạo kịp thời công tác quản lý tài chính đối với dự án.

4. Định kỳ 6 tháng và cả năm, trong vòng 15 ngày kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo, đề phục vụ đối chiếu số liệu hạch toán và thực tế giải ngân, Cơ quan chủ quản có trách nhiệm lập, tổng hợp và cung cấp cho Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước báo cáo tình hình giải ngân và hạch toán NSNN theo mẫu tại Phụ lục số 04.

Điều 20. Kiểm tra

Cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ quản dự án có thể độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi về việc chấp hành các quy định quản lý tài chính được quy định tại Thông tư này.

Chương VI CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 21. Lựa chọn ngân hàng phục vụ

1. “Ngân hàng phục vụ” là một ngân hàng thương mại được lựa chọn trong danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn thực hiện việc giao dịch đối ngoại, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho dự án nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định và công bố.

2. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng phục vụ cho chương trình, dự án cụ thể:

a) Đáp ứng đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ lệ đảm bảo an toàn tài chính áp dụng đối với các tổ chức tín dụng;

b) Có địa bàn hoạt động phù hợp với địa bàn của chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi;

c) Tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và quy định của nhà tài trợ về quản lý nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn ngân hàng phục vụ đối với các chương trình, dự án tài trợ từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP. Bộ Tài chính lựa chọn ngân hàng phục vụ đối với các chương trình, dự án còn lại. Việc lựa chọn ngân hàng phục vụ tiến hành sau khi thỏa thuận về ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết.

Điều 22. Mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc nhà nước

DỰ THẢO

1. Tài khoản nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Theo yêu cầu quản lý và thoả thuận bằng văn bản với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại hệ thống Kho bạc nhà nước để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi chi cho các hoạt động của chương trình, dự án.

2. Tài khoản vốn đối ứng: chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện việc kiểm soát, thanh toán đối với nguồn vốn đối ứng của dự án.

Điều 23. Mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ

1. Theo quy định tại điều ước quốc tế hoặc thoả thuận về ODA, vốn vay ưu đãi, Chủ dự án hoặc Bộ Tài chính được mở tài khoản giao dịch (tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt) tại ngân hàng phục vụ phù hợp với yêu cầu thanh toán của dự án.

Các dự án có nhiều nguồn tài trợ khác nhau phải mở các tài khoản riêng để theo dõi từng nguồn vốn rút về. Phí dịch vụ ngân hàng phục vụ thu là khoản chi thuộc dự án.

2. Trường hợp dự án có nhiều cấp quản lý, theo thoả thuận với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản tạm ứng cấp hai tại chi nhánh ngân hàng phục vụ. Đồng tiền của tài khoản là đồng ngoại tệ vay nước ngoài.

3. Trách nhiệm của Ngân hàng phục vụ

a) Ngân hàng phục vụ, theo đề nghị của chủ dự án là chủ tài khoản, mở các tài khoản liên quan của dự án và thực hiện các giao dịch thanh toán, rút vốn căn cứ theo quy định hiện hành.

b) Ngân hàng phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp cho dự án đầy đủ các thông tin để thực hiện các giao dịch thanh toán trong và ngoài nước qua hệ thống ngân hàng.

c) Định kỳ hàng tháng hoặc khi có yêu cầu, ngân hàng phục vụ có trách nhiệm gửi báo cáo sao kê tài khoản tạm ứng cho chủ tài khoản.

d) Định kỳ hàng tháng và khi chủ tài khoản có yêu cầu, ngân hàng phục vụ thông báo cho chủ tài khoản số lãi phát sinh trên tài khoản tạm ứng của dự án (nếu có); số phí dịch vụ do ngân hàng phục vụ thu; số chênh lệch giữa lãi và phí; số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

e) Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo có số tiền giải ngân từ nhà tài trợ, ngân hàng phục vụ thực hiện ghi có vào tài khoản của dự án và thông báo cho chủ tài khoản biết.

DỰ THẢO

4. Quản lý lãi tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt

a) Lãi phát sinh trên các tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt phải được hạch toán theo dõi riêng và được sử dụng để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng của ngân hàng phục vụ. Trường hợp số lãi phát sinh không đủ để thanh toán phí dịch vụ ngân hàng, chủ dự án lập dự toán và bố trí vốn đối ứng để chi trả.

b) Khi kết thúc hoạt động chi tiêu trên tài khoản tạm ứng/tài khoản đặc biệt, đối với các dự án do ngân sách cấp phát toàn bộ, chủ dự án nộp số dư lãi phát sinh trên các tài khoản này (nếu có) vào ngân sách Nhà nước.

Điều 24. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản

1. Các quy định về thuế, phí và quản lý tài sản đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chính sách thuế áp dụng đối với chương trình, dự án của khu vực kinh tế tư nhân sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ: Cơ quan chủ quản chương trình, dự án có mục tiêu hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân, tổ chức tài chính, tín dụng cho vay lại chương trình, hạn mức tín dụng cho khu vực kinh tế tư nhân, hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ có trách nhiệm thông báo hoặc xác nhận hình thức cung cấp vốn ODA và vốn vay ưu đãi đối với từng chương trình, dự án cụ thể cho cơ quan thuế để áp dụng các chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ của khu vực kinh tế tư nhân.

Điều 25. Ngoài các quy định tại Thông tư này, Bộ Tài chính phối hợp với các nhà tài trợ (nếu có yêu cầu) xuất bản Sổ tay quản lý tài chính. Các Sổ tay này là tài liệu tham khảo về nghiệp vụ chuyên môn và nhằm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2016 và thay thế Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với các chương trình, dự án ODA.

DỰ THẢO

2. Các thư tín dụng có hoặc không có thư cam kết đã được Bộ Tài chính phê duyệt trước ngày ban hành Thông tư này được tiếp tục giải ngân theo quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC.

3. Chủ tài khoản cấp 2 bằng VNĐ mở theo thỏa thuận với nhà tài trợ trước ngày ban hành Thông tư này có trách nhiệm chuyển đổi sang tài khoản bằng ngoại tệ vay nước ngoài trong vòng 6 tháng.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa được hướng dẫn tại Thông tư này, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VPTW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- VPCP;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan TW các tổ chức, đoàn thể;
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

DỰ THẢO

HỆ THỐNG MẪU BIỂU

(ban hành kèm theo Thông tư số .../2016/TT-BTC ngày.../.../2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài)

TT	Số phụ lục	Tên mẫu/phụ lục
1	Mẫu số 1	Mẫu Phiếu xác nhận chi phí hợp lệ nguồn HCSN được tài trợ bằng nguồn vốn ODA, vay ưu đãi của Cơ quan kiểm soát chi
2	Phụ lục số 01	Phiếu đề nghị hạch toán ngân sách Nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi do Kho bạc Nhà nước xác nhận
	Phụ lục số 01-A	Bảng kê báo cáo hạch toán ngân sách Nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi (áp dụng đối với dự án ô)
	Phụ lục số 02	Báo cáo sao kê số liệu rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi (áp dụng đối với các dự án do Cơ quan cho vay lại kiểm soát chi)
	Phụ lục...	Báo cáo kết thúc giải ngân
	Phụ lục...	Báo cáo số liệu giải ngân 6 tháng, cả năm của Cơ quan chủ quản

Chủ dự án:.....

Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Kính gửi: Kho bạc nhà nước

Tên dự án:.....

Chủ dự án/Ban QLDA..... mã số ĐVSDNS:.....

Số tài khoản của chủ dự án: - Vốn trong nước.....tại

- Vốn ngoài nước..... tại.....

Căn cứ hợp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm... Phụ lục bổ sung hợp đồng số... ngày... tháng... năm...

Căn cứ biên bản nghiệm thu số... ngày... tháng... năm... (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:..... đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán..... đồng.

Số tiền đề nghị:

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

 Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Thuộc nguồn vốn: (HCSN nguồn NSNN; CTMT, ODA, vay ưu đãi).....

Thuộc kế hoạch vốn: Năm...

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
Cộng tổng					

(Ghi chú: Đồng tiền đề nghị xác nhận theo quy định của hợp đồng...)

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....

Bằng chữ:.....

(Ghi rõ Vốn vay..... hoặc viện trợ không hoàn lại.....)

Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....

+ Vốn trong nước.....

+ Vốn ngoài nước.....

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số).....

+ Vốn trong nước.....

+ Vốn ngoài nước.....

Tên đơn vị thụ hưởng.....

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng..... tại

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng..... năm....

Chủ dự án

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHÂN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận chứng từ.....

Kho bạc nhà nước chấp nhận

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

 Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận			
+ Mục..., tiêu mục.....			
+ Mục..., tiêu mục.....			
+ Mục..., tiêu mục.....			
+ Mục..., tiêu mục.....			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng			
Các năm trước			
Năm nay			
+ Thuế giá trị gia tăng			
+.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng			
<i>Bằng chữ:</i>			
Số từ chối:			
<i>Lý do:</i>			

Ghi chú:.....

Cán bộ thanh toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

(Ghi chú: Mẫu giấy này áp dụng để KBNN xác nhận đề nghị tạm ứng/ giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán bằng vốn ODA và vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định của dự án.

Vốn ngoài nước: ghi cụ thể từng nguồn vay, viện trợ (nếu có).

Chủ dự án:.....

Mã đơn vị ngân sách:.....

Nguồn vốn:

Phụ lục số 01-A

Tên dự án:.....

Niên độ:

BẢNG KÊ BẢO CÁO HẠCH TOÁN RÚT VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI
(Áp dụng đối với dự án có tài khoản cấp 2)

Đơn vị thực hiện/Các khoản chi	Ngày giải ngân cho người thụ hưởng	Số tiền thực rút quy ngoại tệ			Quy đổi VND			Cơ quan KSC	Số/ngày Phiếu hạch toán rút vốn được	Phương thức giải ngân	Ghi chú (*)
		XDCB	HCSN	CVL	XDCB	HCSN	CVL				
Ban OLDA TW											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh X											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...											
...											
...											
Tổng cộng:											
Ban QLDA tỉnh Y											
Đơn rút vốn số...											
...											
...					</						

Đơn vị thực hiện/Các khoản chi	Ngày giải ngân cho người thụ hưởng	Số tiền thực rút quy ngoại tệ			Quy đổi VND			Cơ quan KSC	Số/ngày Phiếu hạch toán rút vốn được KBNN xác	Phương thức giải ngân	Ghi chú (*)
		XDCB	HCSN	CVL	XDCB	HCSN	CVL				
<i>Đơn rút vốn số...</i>											
...											
...											
...											
<i>Tổng cộng:</i>											
<i>Tổng số:</i>											

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ dự án

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: bảng kê tổng hợp lập gửi kèm đơn rút vốn đối với các dự án ô, có một tài khoản tạm ứng tại cấp Trung ương và nhiều tài khoản cấp 2. Tùy theo tính chất khoản chi, chủ dự án kê rõ các khoản chi của từng dự án thành phần để làm cơ sở đối chiếu với các Phiếu hạch toán NSNN được KBNN xác nhận.

